

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 22 – 8 - 2025
V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Thúy Sâm
- Bà Nguyễn Thị Duyên

- Thư ký phiên toà: bà Đinh Thị Tường Vy – Thẩm tra viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 5 –Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Thị H, sinh năm 1967, địa chỉ: A L, phường N (trước đây là khu phố E, phường E, thành phố Đ), tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Mỹ H1 (tên gọi khác: T), sinh năm 1975, địa chỉ: khu phố F, phường N (trước đây là khu phố F, phường E, thành phố Đ) tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 24/9/2023 (tức ngày 10/8/2023 âm lịch), nguyên đơn bà Trần Thị Hồng V “Giấy mượn tiền” cho bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1 vay số tiền 310.000.000 đồng, mục đích vay là cho con bà H1 đi học du học, hai bên thỏa thuận ngày 22/11/2023 (tức ngày 01/10/2023 âm lịch) bà Nguyễn Thị Mỹ H1 phải trả lại cho bà H số tiền trên. Quá trình trả nợ, bà H1 có trả một số tiền lãi, nhưng khi hết thời hạn thỏa thuận bà H1 không trả số tiền gốc mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H1 phải trả lại số tiền vay 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng). Bà H không yêu cầu tính lãi từ khi vi phạm đến thời điểm xét xử, yêu cầu tiền lãi giai đoạn thi hành án với lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận có mượn của bà Trần Thị H số tiền 310.000.000đồng. Nguyên nhân của việc không trả được nợ là do bà H1 vay về rồi cho người khác mượn lại nhưng người đó không trả được cho bà H1 dẫn đến bà H1 không có tiền trả cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1 trả số tiền vay còn nợ. Bị đơn cư trú tại địa bàn phường N nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự: Trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự có căn cứ xác định bà Trần Thị H cho bà Nguyễn Thị Mỹ H1 vay số tiền 310.000.000 đồng, hạn đến ngày 22/11/2023 trả, nhưng quá thời hạn trả nợ bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc đã vay, HĐXX xét thấy việc thỏa thuận vay mượn tiền của hai bên là tự nguyện, bị đơn thừa nhận số tiền vay. Xét thấy việc yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền đã vay.

[3] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi từ khi vi phạm thỏa thuận đến khi xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: $(310.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 15.500.000 \text{ đồng}$. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1 (tên gọi khác: T) phải trả cho bà Trần Thị H số tiền

vay còn nợ theo Giấy mượn tiền ngày 10/8/2023 (âm lịch) là: 310.000.000 đồng (*Ba trăm mười triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1 phải chịu 15.500.000 đồng (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.750.000 đồng (*Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/2023/0002339 ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực 5, Qtrị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS Khu vực 5, Qtrị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý